



# Cordless Hedge Trimmer

UH013G 600 mm (23-5/8")  
UH014G 750 mm (29-1/2")



**XGT**  
**40V** **LI-ION**  
**max**

Same level performance as petrol hedge trimmer.



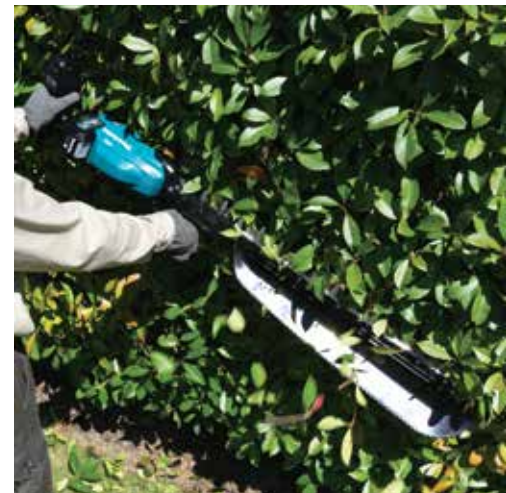
### UH013G

Blade Length:  
600 mm (23-5/8")



### UH014G

Blade Length:  
750 mm (29-1/2")



#### Light weight

UH013G UH014G  
**4.2 / 4.3 kg**

battery: BL4024 (2.5Ah)

#### Cutting strokes per minute

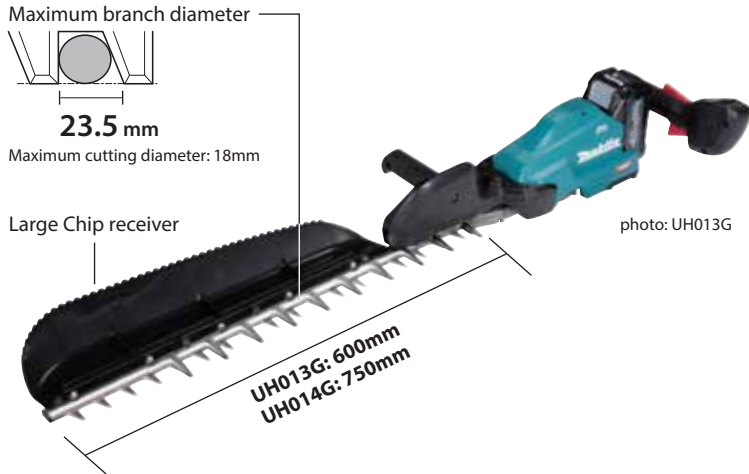
**5,000 min<sup>-1</sup>**

High speed mode

#### Low noise

**91 / 92 dB (A)**

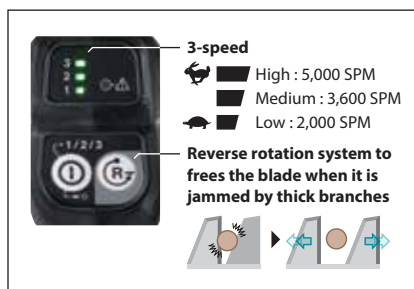
UH013G / UH014G



**BL**  
MOTOR  
High power  
Brushless motor

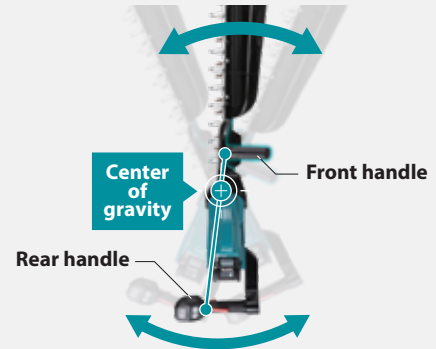


**XPT**  
eXtreme Protection  
Technology



### Easy-to-use Front handle

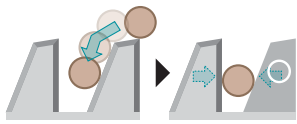
- Redesigned the gripping position of Front handle and place the center of gravity on the line connecting Front handle and Rear handle to reduce the force applied in the direction of twisting the wrist.



- Due to the inclination of Front handle end, it can be gripped when cutting the top surface, the angle at which the wrist is returned can be reduced, and wrist fatigue is reduced.

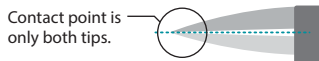


### Twigs are caught easily and held firmly



### Optimum blade shape for smooth cutting

- Sharp edge blades
- Upper blade: curving downward
- Lower blade: curving upward



### Anti-vibration structure

- consisting of Motor-crank section and handle section linked by cushions to absorb vibration from blade and motor-crank section



### Accessories ● Standard Equipment

#### Shear blade

Part No. 191Y03-6 ●  
model: UH013G / size: 600mm



Part No. 191Y05-2 ●  
model: UH014G / size: 750mm



#### Chip receiver assembly set

Part No. 191D33-1 ●  
model: UH013G



Part No. 191D34-9 ●  
model: UH014G



#### Grease vessel set

Part No.  
199450-5

### Charging Time

40V Li-ion max	Fast Charging	
	DC40RA	DC40RC
"BL4020 2.0Ah	22 min	30 min
"BL4025 2.5Ah	28 min	38 min
"BL4040 4.0Ah	45 min	67 min
BL4050F 5.0Ah	50 min	85 min

\*1 Recommended battery

### Cordless Hedge Trimmer

**UH013GZ 600 mm (23-5/8")** **UH014GZ 750 mm (29-1/2")**

	UH013G	UH014G
Brake	Blade Length 600 mm (23-5/8") Tooth Spacing 35 mm (1-3/8")	750 mm (29-1/2") 35 mm (1-3/8")
Reversing	Max Branch Capacity 23.5 mm (15/16") Max Cutting Capacity 18 mm (11/16")	23.5 mm (15/16") 18 mm (11/16")
Electronic 3-Speed	Strokes Per Minute (SPM) High / Med / Low: 5,000 / 3,600 / 2,000 Continuous Use (min.) w/ BL4040 High / Med / Low: 85 / 160 / 390	High / Med / Low: 5,000 / 3,600 / 2,000 w/ BL4040 High / Med / Low: 80 / 155 / 380
Constant Speed	Sound Pressure Level 80 dB(A) Sound Power Level 91 dB(A)	81 dB(A) 92 dB(A)
Anti Vibration	Vibration Level Front Grip 2.5 m/s <sup>2</sup> Dimensions (L x W x H) w/ BL4020 / BL4025: 1,085 x 270 x 135 mm (42-3/4 x 10-5/8 x 5-5/16")	3.2 m/s <sup>2</sup> w/ BL4020 / BL4025: 1,225 x 270 x 135 mm (48-1/4 x 10-5/8 x 5-5/16")
	Net weight 3.9 - 4.5 kg (8.6 - 9.9 lbs.) <b>UH013GZ:</b> Battery & charger not include Shear blade 600 (191Y03-6), chip receiver 600E (191D33-1), blade cover 600(413B98-4)	4.0 - 4.7 kg (8.8 - 10.4 lbs.) <b>UH014GZ:</b> Battery & charger not include Shear blade 750 (191Y05-2), chip receiver 750 (191D34-9), blade cover 750 (413B99-2)

Standard Equipment:

The weight may differ depending on the attachment(s), including the battery cartridge. The lightest and heaviest combination, according to EPTA-Procedure 01/2014, are shown in the table. Items of standard equipment and specifications may vary by country or area.

## CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM

Kho 4-5-6, Block 16, 18/12 Đường số 3, KCN VSP, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương  
ĐT: 0274 362 8338 - Fax: 0274 362 8339 - Website: www.makita.com.vn

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC  
Khu S, Số 1, Đường Số 6, KCN - BT - DV VSP, Bắc Ninh, P. Phú Chấn,  
TP. Từ Sơn, T. Bắc Ninh.  
ĐT: 0222 376 5942 Fax: 0222 376 5941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HÀ NỘI  
65 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội,  
ĐT: 0243 202 2385

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG  
102 Trần Hưng Đạo, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng,  
ĐT: 0236 352 5078 / 0236 352 5179 Fax: 0236 352 5479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH CẦN THƠ  
386 Võ Văn Kiệt, Khu Vực S, P. An Thới, Q. Bình Thủy,  
TP. Cần Thơ.  
ĐT: 0292 389 4358 Fax: 0292 389 4359

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH BUỒN MA THUỘT  
89 Lê Đức Thọ, P. Thống Nhất, TP. Buon Ma Thuột, T. Đắk Lắk,  
ĐT: 0262 355 4556 Fax: 0262 355 4557

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG  
Số 01 Lũy Đồi, Dự án Hoàng Huy Riverside, P. Thượng Lý,  
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.  
ĐT: 0225 883 1529

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH NHA TRANG  
Là 3636 đường B6, Khu đô thị Trung Tâm, Xã Vĩnh Ngọc,  
TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa  
ĐT: 0258 220 0039

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH  
Số 12 Trịnh Văn Căn, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh,  
ĐT: 0283 821 5191